

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TẠI HÀ NỘI Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 798/2022/HS-PT

Ngày 11/11/2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Chu Thành Quang;

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Thanh Xuân;

Ông Nguyễn Xuân Phách.

- *Thư ký phiên toà:* Bà Phạm Nữ Quỳnh Trâm - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viên kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa:

Ông Vũ Hồng Điệp - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 11/11/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội mở phiên tòa công khai xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 854/2022/TLPT-HS ngày 14/9/2022, đối với các bị cáo Phạm Thu D, Đào Mỹ L, Tạ Huyền V bị Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”, “*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức*” do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 259/2022/HS-ST ngày 26/7/2022.

1. Bị cáo Phạm Thu D, sinh năm 1991; giới tính: Nữ; nơi ĐKKHKT: thôn Phúc Ngọc (nay là thôn P), xã C, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; nơi ở khi phạm tội: P1501, tòa nhà HH4A Đ, phường H, quận M, thành phố Hà Nội; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ văn hóa: 12/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông Phạm Quang L1 và bà Lê Thị L2; chồng là Nguyễn Anh L3 (đã ly hôn); có 02 con, con lớn sinh ngày 05/8/2016, con nhỏ sinh ngày 27/3/2020, tiền sự, tiền án: Không. Bị cáo hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 2, Công an thành phố Hà Nội trong một vụ án khác; có mặt tại phiên tòa.

2. Bị cáo Đào Mỹ L, sinh năm 1993; giới tính: Nữ; nơi ĐKKHKT: Phòng 8 A46, phường T, quận Đ, thành phố Hà Nội; chỗ ở: 105, số 71 ngõ H1, phố T, phường H, quận Đ, thành phố Hà Nội; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ văn hóa: 12/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông Đào Trọng H và bà Lê Thị Cẩm H1; chồng là Đoàn Anh T1; có 4 con, lớn nhất sinh năm 2014, con nhỏ nhất sinh ngày 06/11/2021; tiền sự: Không; tiền án: Bản án hình sự phúc thẩm số: 1171/HSPT ngày 02/12/2016, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xử phạt 30 tháng tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” (chưa thi hành án).

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; vắng mặt tại phiên tòa và có đơn xin xét xử vắng mặt.

3. Bị cáo Tạ Huyền V, sinh năm 1989; giới tính: Nữ; nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Phòng 512, tổ 12, phường N, thành phố H, tỉnh Hòa Bình; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ văn hóa: 12/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông Tạ Như H2 và bà Phan Thị T2; chồng là: Nguyễn Tuấn Đ1; có 02 con, con lớn sinh năm 2010, con nhỏ sinh 7/6/2018; Tiền sự; tiền án: Không. Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt tại phiên tòa.

- Các bị cáo không kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị: Nguyễn Phú Đ, Trần Đức N, Nguyễn Văn M và Nguyễn Quốc S.

- Bị hại: Ngân hàng TMCP V; địa chỉ: 89 đường H, phường L, quận Đ, Hà Nội; Người đại diện theo ủy quyền của ngân hàng V: ông Nguyễn Quốc V, vắng mặt tại phiên tòa

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phạm Thu D thông qua ứng dụng Facebook trên mạng Internet nên biết nhiều người có nhu cầu vay tín chấp tại ngân hàng nhưng không đủ điều kiện vay như không có việc làm, không có thu nhập và không có nơi cư trú, không có nơi tạm trú tại Hà Nội. D kết bạn Facebook với rất nhiều người khác và nhận làm hồ sơ vay tín chấp cho những người có nhu cầu để hưởng lợi. D biết bị cáo Nguyễn Phú Đ là cộng tác của các ngân hàng, trong đó có ngân hàng V), Đ có nhiều mối quan hệ và biết về thủ tục hồ sơ vay tín chấp. D bàn bạc với Đ để cùng làm giả tài liệu, giấy tờ cho những người có nhu cầu vay nhằm chiếm đoạt tiền của ngân hàng V. D chịu trách nhiệm liên hệ với công an xã của một số tỉnh để làm sổ hộ khẩu, chứng minh nhân dân để người đứng tên vay có chỗ ở không đúng thực tế, thuê người làm giả sổ tạm trú, giấy xác nhận tạm trú, hợp đồng lao động, giấy xác nhận công tác, xác nhận lương. Sau khi D làm xong các giấy tờ giả, Đ sẽ hướng dẫn những người đứng tên vay lập hồ sơ vay tín chấp rồi giao cho nhân viên ngân hàng V. Sau khi được giải ngân, D và Đ thu của những người đứng tên trong hồ sơ vay từ 15% đến 20% số tiền được giải ngân để chia nhau.

Vụ thứ 1: Nguyễn Văn M cấp sổ hộ khẩu trái quy định cho Đào Mỹ L nhưng mang tên Lê Quỳnh T, sau đó L, Phạm Thu D và Nguyễn Phú Đ chiếm đoạt số tiền 50.000.000 đồng của ngân hàng V và ngày 08/4/2020, Đào Mỹ L chiếm đoạt số tiền 10.000.000 đồng của công ty tài chính cổ phần I.

Thông qua mối quan hệ xã hội, Đào Mỹ L biết Nguyễn Phú Đ và được Đ giới thiệu là nhân viên Ngân hàng thương mại cổ phần Q. Do cần tiền để chi tiêu cá nhân nhưng đang có nợ xấu tại ngân hàng nên L nhờ Đ tìm cách làm hồ sơ giả để chiếm đoạt tiền dưới hình thức mở thẻ tín dụng, vay tiền của các ngân hàng trên địa bàn thành phố Hà Nội.

Đầu năm 2020, Đ đưa L gặp Phạm Thu D là người lập hồ sơ vay tiền ngân hàng. D nói với Đ và L là D làm cho L một quyển sổ hộ khẩu và chứng minh nhân dân mang tên người khác nhưng có dấu và chữ ký thật của Công an, với điều kiện L phải đưa cho D số tiền là 30.000.000 đồng. Sau đó, Đ cùng D sẽ giới thiệu cho L dùng hộ khẩu và chứng minh thư nhân dân này để lập hồ sơ tín dụng vay tiền tại các ngân hàng cho L. Mỗi hợp đồng tín dụng thành công, L phải chia cho D 15% và Đ 5% trên tổng số tiền L chiếm đoạt được của ngân hàng.

L đồng ý nên đưa số tiền 42.500.000 đồng và gửi hình ảnh chứng minh nhân dân của L cho D. D thuê một đối tượng (không xác định) không quen biết trên mạng internet sửa chữa họ, tên, năm sinh trên chứng minh nhân dân của Đào Mỹ L thành Lê Quỳnh T, sinh năm 1989 và giữ nguyên ảnh của L. D chụp ảnh chứng minh nhân dân đã sửa gửi cho Nguyễn Văn M (nguyên Trưởng Công an xã N), M cấp 01 sổ hộ khẩu số 040504302, cấp ngày 18/5/2017 mang tên Lê Quỳnh T và 01 Giấy đề nghị Công an huyện G cấp chứng minh nhân dân cho Lê Quỳnh T, có chữ ký của M. M đóng dấu của Công an xã N trên sổ hộ khẩu và đơn đề nghị cấp chứng minh nhân dân. D và L mang sổ hộ khẩu và đơn đề nghị cấp chứng minh nhân dân đến Công an huyện G và được công an huyện cấp chứng minh nhân dân số 122449633, cấp ngày 20/3/2020 đứng tên Lê Quỳnh T. Đồng thời D thuê đối tượng liên hệ trên Internet làm giả Sổ tạm trú số 242214493 đề ngày 16/10/2019 của Công an phường V cấp cho Lê Quỳnh T. Số tiền nhận được từ L, D đưa cho M số tiền 6.000.000 đồng và đưa cho Đ số tiền 5.000.000 đồng.

L và D sử dụng sổ hộ khẩu, giấy chứng minh nhân dân mang tên Lê Quỳnh T, thông qua anh Lê Văn T3 (sinh năm 1993, trú tại P1510-HH4A khu đô thị Đ, phường H, quận M, Hà Nội) và anh Nguyễn Kim H3 (sinh năm 1986, trú tại số 5 ngõ P, phường S, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa) để nhờ anh Nguyễn Nhật T3 là Giám đốc công ty cổ phần BG taxi xác nhận “Lê Quỳnh T” là nhân viên công ty và xác nhận thu nhập. D thuê người làm giả sổ tạm trú số 242214493 đề ngày 16/10/2019 tại phường V, quận Đ, Hà Nội cho L. Sau đó L cùng Đ đến gặp chị Nông Thị Mai L4 (sinh năm 1992, là cán bộ tín dụng thuộc đơn vị Kênh bán trực tiếp tín chấp miền Bắc của ngân hàng V) để làm thủ tục cấp thẻ tín dụng số 5239 7568 6846 4644 mang tên Lê Quỳnh T với số tiền 50.000.000 đồng. Sau khi được cấp thẻ, L đưa cho D toàn bộ số tiền trong thẻ. D chia cho Đ số tiền 2.500.000 đồng, chia cho L số tiền 25.050.000 đồng, số tiền còn lại D sử dụng.

Ngày 20/5/2020, Đào Mỹ L đang sử dụng hộ khẩu giả, chứng minh thư giả và Sổ tạm trú giả mang tên Lê Quỳnh T để làm thủ tục vay số tiền 100.000.000 đồng tại ngân hàng V thì bị Cơ quan Công an phát hiện nên đưa về trụ sở giải quyết.

Ngoài ra, Đào Mỹ L còn sử dụng chứng minh nhân dân giả mang tên Lê Quỳnh T để đề nghị Công ty tài chính cổ phần T cấp thẻ hạn mức số tiền 10.000.000 đồng. Sau khi được công ty T cho vay, ngày 08/4/2020, L đã rút hết số tiền cho vay rồi chiếm đoạt chi tiêu cá nhân hết.

Vụ thứ 2: Nguyễn Quốc S cấp sổ hộ khẩu trái pháp luật cho Hoàng Phi H4, sau đó Phạm Thu D, Nguyễn Phú Đ sử dụng tài liệu này để chiếm đoạt số tiền 59.147.610 đồng của ngân hàng V.

Tháng 10/2019, Phạm Thu D biết đối tượng tên Hoàng Phi H4 thông qua mạng internet, H4 nói với D là bản thân có nhu cầu vay tiền ngân hàng nhưng không có việc làm, không có nơi cư trú tại Hà Nội. Sau khi thỏa thuận với H4, thông qua anh Nguyễn Văn K (sinh năm 1983, trú tại thôn C, xã Q, huyện L, tỉnh Bắc Giang) D biết Nguyễn Quốc S (nguyên Phó Trưởng công an xã N). D đặt vấn đề nhờ Nguyễn Quốc S cấp sổ hộ khẩu cho H4. S biết rõ H4 không có chỗ ở và sinh sống tại xã N, huyện L, Bắc Giang, không đủ điều kiện cấp sổ hộ khẩu nhưng S vẫn tự ý cấp cho H4 một quyển sổ hộ khẩu số 0405184842 ngày 12/10/2018 và một giấy đề nghị cấp chứng minh nhân dân ngày 21/9/2019. S ký, đóng dấu Công an xã N trên sổ hộ khẩu và đơn đề nghị cấp chứng minh nhân dân và anh H4 được Công an huyện L cấp chứng minh nhân dân số 122437793 ngày 22/10/2019 mang tên Hoàng Phi H4. D thuê người làm giả sổ tạm trú cho anh H4 tại số 10, ngõ 158 đường N, phường H, quận B, Hà Nội và làm giả xác nhận công tác, xác nhận lương thu nhập cho H4 tại công ty cổ phần K. Sau khi có đủ hồ sơ, Đ liên hệ với chị Trần Thị T4 (sinh năm 1994, Xóm 1, xã N, huyện T, Hà Nội là nhân viên tín dụng của Ngân hàng V - Chi nhánh Hà Nội, Phòng giao dịch B) là người quen của Đ để chị T4 tiếp nhận hồ sơ cho anh H4. Quá trình tiếp nhận hồ sơ vay tín chấp mang tên Hoàng Phi H4, chị T4 không phát hiện các tài liệu trong hồ sơ là giả nên đề xuất lãnh đạo ngân hàng V phê duyệt cho vay. Ngày 02/12/2019, ngân hàng V đã giải ngân cho anh H4 theo hợp đồng tín dụng số LD1933600626 vay số tiền 60.000.000đ đến nay còn dư nợ 59.148.610 đồng (BL 190). Sau khi được giải ngân, H4 đưa cho D số tiền 19.000.000 đồng; D chia cho S số tiền 10.000.000 đồng, chia cho Đ số tiền 4.200.000 đồng và hưởng lợi số tiền 4.800.000 đồng. Số tiền còn lại 40.147.610 đồng H4 chiếm đoạt rồi bỏ trốn, đến nay Cơ quan điều tra không xác định được lai lịch, nhân thân.

Vụ thứ 3: Trần Đức N cấp sổ hộ khẩu trái quy định cho Tạ Huyền V, sau đó V, Phạm Thu D và Nguyễn Phú Đ chiếm đoạt số tiền 134.021.209 đồng của ngân hàng V.

Tháng 9/2019, Phạm Thu D biết Tạ Huyền V thông qua Nguyễn Thị T5 (sinh năm 1989, trú tại số 14, ngõ 24 đường C, phường Đ, thành phố H, tỉnh Hòa Bình). Qua trao đổi với T5 và V, D biết V đang nợ xấu tại ngân hàng V nên không đủ điều kiện vay tiếp. D liên hệ với Trần Đức N (nguyên Trưởng công an xã L) để N cấp sổ hộ khẩu cho V đến Khu 3 Q, xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ. N yêu cầu V phải có giấy cất khẩu do cơ quan Công an cấp. V đến Công an quận Đ xin giấy chuyển khẩu từ quận Đ đến xã T, huyện C, Phú Thọ rồi đưa cho N. N biết V không có nơi ở hợp pháp, không sinh sống tại xã T nhưng N cấp cho V một sổ hộ khẩu số 450499159 ngày 20/6/2019 và một giấy đề nghị cấp chứng minh nhân dân để Công an huyện C cấp chứng minh nhân dân số 132492915 ngày 21/9/2019 cho V. Sau khi có sổ hộ khẩu, chứng minh nhân dân có nơi ở tại xã T, D thuê đối tượng làm giả giấy xác nhận tạm trú của Công an phường H, làm giả giấy xác nhận công tác, xác nhận lương của công

ty cổ phần K cho V. D bảo Đ hướng dẫn V lập hồ sơ tín dụng và cách trả lời nhân viên ngân hàng. Đ đã liên hệ với chị Trần Thị T4 là nhân viên tín dụng của Ngân hàng V để chị Thúy tiếp nhận hồ sơ của V. Khi tiếp nhận hồ sơ, chị T4 đối chiếu bản gốc các tài liệu và không phát hiện các giấy tờ xác nhận tạm trú, xác nhận lương là giả nên đề xuất lãnh đạo ngân hàng V phê duyệt khoản vay.

Ngày 30/10/2019, ngân hàng giải ngân cho V theo Hợp đồng vay tín chấp số LD1930300217 vay lần thứ nhất số tiền 99.000.000 đồng, V trả ngân hàng 03 tháng gồm tháng 12/2019, tháng 01 và 02/2020 số tiền gốc, lãi là 10.560.201 đồng đến nay còn nợ gốc 96.214.877đ

Ngày 06/11/2019, ngân hàng giải ngân cho V theo Hợp đồng vay tín chấp số LD193000168 vay lần thứ hai số tiền 40.000.000 đồng, V trả ngân hàng 03 tháng gồm tháng 02; 03/2020 và tháng 6/2020 số tiền gốc, lãi là 4.965.992 đồng.

Tính đến ngày 16/6/2021, ngân hàng yêu cầu bồi thường số tiền là 185.992.019 đồng (tiền nợ gốc 134.021.209 đồng và tiền nợ lãi 51.970.810 đồng).

Số tiền chiếm đoạt được của ngân hàng V đã đưa cho D 28.000.000 đồng; D đưa cho Đ 8.500.000 đồng, đưa cho N số tiền 8.000.000 đồng, D hưởng lợi số tiền 11.500.000 đồng.

Vụ thứ 4: Phạm Thu D và Nguyễn Phú Đ chiếm đoạt số tiền 59.425.274 đồng của ngân hàng V.

Tháng 10/2019, Phạm Thu D biết anh Lê Hoàng H5 thông qua mạng internet, anh H5 nói có nhu cầu vay tín chấp tại ngân hàng. D nói với anh H5 đưa sổ hộ khẩu, chứng minh nhân dân để D làm giả các giấy xác nhận tạm trú, xác nhận công tác và xác nhận lương cho anh H5 để lập hồ sơ vay tín chấp tại ngân hàng V. D và anh H5 thỏa thuận khi hồ sơ được phê duyệt, anh H5 phải đưa cho D 20% trên tổng số tiền được giải ngân. Anh H5 đồng ý và đưa sổ hộ khẩu và chứng minh nhân dân cho D. D thuê đối tượng (không xác định) làm giả sổ tạm trú cho anh Lê Hoàng H5 tại Đội 7, thôn T, xã O, huyện T, Hà Nội, làm giả giấy xác nhận công tác, giấy xác nhận lương về việc anh H5 đang làm việc và nhận lương tại công ty cổ phần K. Sau đó, Đ đã liên hệ với chị Trần Thị T4 (sinh năm 1994, nhân viên tín dụng của ngân hàng V - Chi nhánh H, Phòng giao dịch B) để chị T4 tiếp nhận hồ sơ cho anh H5. Khi tiếp nhận hồ sơ, chị T4 đối chiếu bản gốc các tài liệu và không phát hiện các giấy tờ xác nhận tạm trú, xác nhận lương là giả nên đề xuất lãnh đạo ngân hàng V phê duyệt khoản vay. Ngày 01/11/2019, ngân hàng V đã giải ngân cho Lê Hoàng H5 theo hợp đồng số LD1936101183 vay số tiền 60.000.000 đồng. Sau khi nhận được tiền từ ngân hàng, anh H5 đưa cho D số tiền 12.000.000 đồng; D chia cho Đ số tiền 3.600.000 đồng, D hưởng lợi 8.400.000 đồng. Số tiền còn lại, H5 chiếm đoạt rồi bỏ trốn đến nay còn dư nợ 59.425.274 đồng.

Vụ thứ 5: Phạm Thu D và Nguyễn Phú Đ chiếm đoạt số tiền 137.827.264 đồng của ngân hàng V.

Tháng 11/2019, D biết anh Nguyễn Tiến T6 (sinh năm 1985, nơi ĐKHKT tại: Khu 1 Đ, huyện H, Phú Thọ) thông qua mạng internet, anh T6 có nhu cầu vay tiền nhưng không có việc làm, không có nơi tạm trú tại Hà Nội. D nói với anh T6 đưa sổ hộ khẩu, chứng minh nhân dân để D làm giấy xác nhận tạm trú, giấy xác nhận công tác và xác nhận lương lập hồ sơ vay tín chấp tại ngân hàng V. Sau khi hồ sơ được phê duyệt giải ngân, anh T6 phải đưa cho D 15% trên tổng số tiền được giải ngân. Anh Thế đồng ý nên đưa sổ hộ khẩu, chứng minh nhân dân cho D. D đã thuê đối tượng (không xác định) làm giả sổ tạm trú cho anh T6 tại tổ 16 phường H, quận B, Hà Nội và làm giả xác nhận công tác, xác nhận lương cho anh T6 tại công ty cổ phần K. Sau khi đủ hồ sơ, Đ bảo anh T6 nộp cho chị Trần Thị T4 là cán bộ ngân hàng V để thực hiện khoản vay. Khi tiếp nhận hồ sơ, chị T4 đối chiếu bản gốc các tài liệu và không phát hiện các giấy tờ xác nhận tạm trú, xác nhận lương là giả nên đề xuất lãnh đạo ngân hàng V phê duyệt khoản vay

Theo hợp đồng số LD1931900594, Ngày 15/11/2019, ngân hàng giải ngân cho anh T6 vay lần thứ nhất số tiền 99.000.000 đồng, anh T6 trả ngân số tiền gốc, lãi là 3.451.075 đồng. Đến nay còn nợ 97.827.281 đồng

Theo hợp đồng số LD1933801655, Ngày 04/12/2019, ngân hàng giải ngân cho anh T6 vay lần thứ hai số tiền 40.000.000 đồng, anh T6 trả ngân số tiền gốc, lãi là 47.080 đồng. Đến nay còn nợ 39.999.983 đồng

Số tiền chiếm đoạt được của ngân hàng anh T6 hưởng lợi số tiền 118.000.000 đồng, chia cho D số tiền 21.000.000 đồng; D chia lại cho Đ số tiền 8.000.000 đồng, D hưởng lợi số tiền 13.000.000 đồng.

Tính đến ngày 16/6/2021, ngân hàng yêu cầu bồi thường số tiền là 199.831.706 đồng (tiền nợ gốc 137.827.264 đồng và tiền nợ lãi 62.004.442 đồng).

Cáo trạng số: 442/CT-VKS-P3 ngày 02/11/2021 của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội truy tố bị cáo Phạm Thu D, Nguyễn Phú Đ tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài” sản theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 và tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” theo quy định tại điểm a, b khoản 3 Điều 341 Bộ luật Hình sự; truy tố bị cáo Đào Mỹ L tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 và tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 341 Bộ luật Hình sự; truy tố bị cáo Tạ Huyền V tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự; truy tố bị cáo Trần Đức N, Nguyễn Văn M và Nguyễn Quốc S tội “Giả mạo trong công tác” theo quy định tại điểm b khoản 2, Điều 359 Bộ luật Hình sự.

Đối với một số trường hợp trong quá trình điều tra không có mặt tại nơi cư trú, chưa làm rõ được ý thức chủ quan được Cơ quan điều tra tách tài liệu để giải quyết trong vụ án khác.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 259/2022/HS-ST ngày 26/7/2022, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đã áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174; các điểm a, b khoản 3 Điều 341; các điểm b, s, n khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 55 và Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt Phạm Thu D 08 năm tù về

“Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và 3 năm tù về “Tội làm giả con dấu tài liệu của cơ quan tổ chức”; tổng hợp hình phạt của 2 tội là 11 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174; điểm c Khoản 2 Điều 341; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; các điểm g, h khoản 1 Điều 52; Điều 55, Điều 56 Bộ luật Hình sự, xử phạt Đào Mỹ L 04 năm tù về “Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và 02 năm tù về “Tội làm giả con dấu tài liệu của cơ quan tổ chức”, tổng hợp với 02 năm 6 tháng tù (30 tháng) của Bản án hình sự phúc thẩm số 1117/HSPT ngày 21/12/2016 của TAND thành phố Hà Nội, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt của hai bản án là 8 năm 6 tháng tù thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, xử phạt Tạ Huyền V 04 năm tù về “Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về tội danh và hình phạt đối với Nguyễn Phú Đ, Trần Đức N, Nguyễn Văn M và Nguyễn Quốc S; quyết định về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 01/8/2022, bị cáo Tạ Huyền V có đơn kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ với lý do bị cáo có nhân thân tốt, hoàn cảnh gia đình rất khó khăn, đang nuôi 02 con nhỏ; phạm tội do nhận thức pháp luật hạn chế (bị cáo chỉ mong muốn có tiền gấp để trang trải chi phí chữa bệnh cho bố để bị mắc bệnh hiểm nghèo (hiện bố bị cáo đã chết), không có ý thức chiếm đoạt tiền của ngân hàng; thực tế, sau khi được ngân hàng giải ngân, bị cáo vẫn thu xếp để trả gốc và lãi cho ngân hàng đến tháng 6/2020.

Ngày 08/8/2022, bị cáo Phạm Thu D có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt với lý do bị cáo phạm tội trong thời gian mang thai, có bố là thương binh, đã khắc phục một phần hậu quả.

Ngày 17/8/2022, bị cáo Đào Mỹ L có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt với lý do mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm tuyên phạt là quá nặng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Phạm Thu D xin rút toàn bộ kháng cáo vì đã nhận thức được tính chất nghiêm trọng của hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện; bị cáo Đào Mỹ L vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị cáo Tạ Huyền V xuất trình biên lai số 0065072 ngày 18/8/2022 của Cục thi hành án dân sự thành phố Hà Nội xác nhận Tạ Huyền V đã nộp 84.200.000 đồng (hoàn trả ngân hàng V 80.000.000 đồng; 4.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm và 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm). Bị cáo Tạ Huyền V đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và cho bị cáo được hưởng án treo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phát biểu quan điểm: Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo Phạm Thu D đã tự nguyện xin rút toàn bộ kháng cáo đối với quyết định của bản án sơ thẩm; vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 342, Điều 348 Bộ luật Tố tụng hình sự đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của Phạm Thu D.

Đối với bị cáo Đào Mỹ L đã làm giả 2 tài liệu của cơ quan, tổ chức; lừa đảo chiếm đoạt 50.000.000 đồng của ngân hàng V và 10.000.000 đồng của Công ty Tài chính cổ phần T. Tòa án cấp sơ thẩm xác định Đào Mỹ L phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” theo điểm c khoản 2 Điều 174 và điểm c khoản 2 Điều 341 Bộ luật Hình sự là có căn cứ. Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với Đào Mỹ L, quyết định mức hình phạt phù hợp và tổng hợp với hình phạt của bản án mà bị cáo L chưa chấp hành để buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của 2 bản án là đúng pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm không có tình tiết gì mới để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Đối với bị cáo Tạ Huyền V, sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo Vi đã chủ động nộp 80.000.000 đồng hoàn trả ngân hàng V theo quyết định của bản án sơ thẩm; nộp 4.200.000 tiền án phí - đây là những tình tiết giảm nhẹ mới. Xét thấy Tạ Huyền V có nhân thân tốt, thành khẩn khai báo, gia đình có hoàn cảnh khó khăn (có bố đẻ vừa mất, hiện đang nuôi con nhỏ), có đủ điều kiện để được hưởng án treo; vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và cho bị cáo hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo Phạm Thu D và bị cáo Tạ Huyền V có mặt tại phiên tòa; bị cáo Đào Mỹ L vắng mặt. Ngày 17/8/2022, bị cáo Đào Mỹ L nhận được bản án. Như vậy, đơn kháng cáo của các bị cáo đều trong hạn luật định theo đúng quy định tại các Điều 331, 332, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự nên kháng cáo của bị cáo là hợp pháp, được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo Phạm Thu D đã tự nguyện xin rút toàn bộ kháng cáo đối với quyết định của bản án sơ thẩm; vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 342, Điều 348 Bộ luật Tố tụng hình sự đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của Phạm Thu D như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

[3] Đối với bị cáo Đào Mỹ L đã làm giả 2 tài liệu của cơ quan, tổ chức, lấy tên là “Lê Quỳnh T” và sử dụng lừa đảo chiếm đoạt 50.000.000 đồng của ngân hàng V và 10.000.000 đồng của Công ty Tài chính cổ phần T. Tòa án cấp sơ thẩm xác định Đào Mỹ L phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự (phạm tội thuộc trường hợp chiếm đoạt tài sản có giá trị từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng) và tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” theo điểm c khoản 2 Điều 341 Bộ luật Hình sự (làm từ 02 con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ khác đến 05 con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ khác) là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Tại Bản án số 1171/HSPT ngày 02/12/2016, Đào Mỹ L đã bị Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội kết án 30 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” nhưng chưa chấp hành; trong lần phạm tội này, bị cáo là tái phạm; bị cáo 02 lần sử dụng tài liệu giả để lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm

áp dụng các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm g, h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự đối với Đào Mỹ L là chính xác.

[5] Khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã cân nhắc đến việc bị cáo thành khẩn khai báo; khi phạm tội đang nuôi con nhỏ và cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự để xử phạt bị cáo 04 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và 02 năm tù về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” là phù hợp. Tại phiên tòa phúc thẩm, không có tình tiết gì mới để xem xét, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Trong phần quyết định, Tòa án cấp sơ thẩm đã tổng hợp hình phạt của bản án này với bản án 1171/HSPT ngày 02/12/2016 để buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của 2 bản án là đúng; tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm đã có sai sót khi ghi số bản án và ngày xét xử, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy cần sửa lại để bảo đảm chính xác.

[6] Đối với bị cáo Tạ Huyền V là người đang có nợ xấu và biết không đủ điều kiện để vay tín chấp tại ngân hàng nhưng đã dùng các giấy tờ giả do Phạm Thu D và Nguyễn Phú Đ làm để vay tiền của ngân hàng V. Với sự giúp sức của D và Đ, V đã được ngân hàng phê duyệt khoản vay là 139.000.000 đồng (giải ngân làm 2 lần). Số dư nợ gốc sau khi vụ án được khởi tố mà Tạ Huyền V chưa trả được cho ngân hàng là 134.021.209 đồng. Tòa án cấp sơ thẩm xác định Tạ Huyền V phạm tội “lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự (phạm tội thuộc trường hợp chiếm đoạt tài sản có giá trị từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng) là có căn cứ. Tuy nhiên, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và trình bày của bị cáo thì vào thời điểm vay tiền, bị cáo hoàn cảnh gia đình rất khó khăn (có bố đẻ mắc bệnh hiểm nghèo cần tiền chữa trị và đang nuôi 02 con nhỏ); bị cáo được kết nối với Phạm Thu D thông qua chị Nguyễn Thị T5 và được D, Đ chủ động giúp làm hồ sơ, hướng dẫn cách trả lời nhân viên ngân hàng để được vay tiền; sau khi được giải ngân tháng 11/2019, bị cáo vẫn thu xếp trả số tiền gốc và tiền lãi cho ngân hàng những tháng đầu (từ tháng 12/2019 đến tháng 06/2020 bị cáo đã trả cho ngân hàng 15.526.193 đồng), sau đó thì mất khả năng thanh toán. Các tình tiết trong vụ án thể hiện Tạ Huyền V phạm tội một phần do nhận thức pháp luật hạn chế, trong hoàn cảnh gia đình có những khó khăn. Sau khi bị khởi tố, Tạ Huyền V thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo đã chủ động nộp tại Cục thi hành án dân sự thành phố Hà Nội toàn bộ số tiền 80.000.000 đồng bồi thường, khắc phục hậu quả và 4.200.000 đồng án phí tại theo quyết định của bản án sơ thẩm, thể hiện thái độ ăn năn, chấp hành pháp luật. Đây là những tình tiết giảm nhẹ mới quy định tại điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 51, cần được xem xét, áp dụng để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

[7] Xét thấy, Tạ Huyền V thành khẩn khai báo, có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng, hiện đang nuôi con nhỏ (con nhỏ nhất sinh ngày 07/6/2018), có khả năng tự cải tạo mà không cần thiết phải bắt chấp hành hình phạt tù, đủ điều kiện để được hưởng án treo theo quy định tại Điều 65 Bộ luật Hình sự và hướng dẫn của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Vì vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giảm nhẹ

hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

[8] Về án phí, do không được chấp nhận kháng cáo, bị cáo Đào Mỹ L phải chịu án phí hình sự phúc thẩm; bị cáo Phạm Thu D và bị cáo Tạ Huyền V không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm

[9] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ Điều 342, Điều 348 Bộ luật Tố tụng hình sự, đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bị cáo Phạm Thu D. Các quyết định của Bản án hình sự sơ thẩm số 259/2022/HS-ST ngày 26/7/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đối với bị cáo Phạm Thu D có hiệu lực pháp luật kể từ ngày 11/11/2022.

2. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Đào Mỹ L, giữ nguyên quyết định về tội danh và hình phạt đối với bị cáo tại Bản án hình sự sơ thẩm số 259/2022/HS-ST ngày 26/7/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174; điểm c khoản 2 Điều 341; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các điểm g, h khoản 1 Điều 52; Điều 38, Điều 55, Điều 56 Bộ luật Hình sự, xử phạt Đào Mỹ L 04 năm tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”, 02 năm tù về tội “*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức*”; tổng hợp với 02 năm 6 tháng tù (30 tháng) của Bản án hình sự phúc thẩm số 1171/HSPT ngày 02/12/2016 của TAND thành phố Hà Nội, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt của hai bản án là 8 năm 6 tháng tù; thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

3. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự, chấp nhận kháng cáo của bị cáo Tạ Huyền V, sửa quyết định về hình phạt đối với bị cáo tại Bản án hình sự sơ thẩm số 259/2022/HS-ST ngày 26/7/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự, xử phạt Tạ Huyền V 03 năm tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 năm, tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo Tạ Huyền V cho Ủy ban nhân dân phường N, thành phố H, tỉnh Hòa Bình giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp người được hưởng án treo phạm tội mới trong thời gian thử thách thì Tòa án buộc phải chấp hành hình phạt của

bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 Bộ luật Hình sự.

Xác nhận bị cáo Tạ Huyền V đã bồi thường cho Ngân hàng TMCP V số tiền 80.000.000 đồng và nộp 4.200.000 đồng án phí sơ thẩm tại Biên lai số 0065072 ngày 18/8/2022 của Cục thi hành án dân sự thành phố Hà Nội.

4. Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội "*Quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án*", bị cáo Đào Mỹ L phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Bị cáo Phạm Thu D, bị cáo Tạ Huyền V không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

5. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thanh Xuân Nguyễn Xuân Phách

Chu Thành Quang